

Trang trại nghệ sĩ

Lâu mới gặp nhau, chúng tôi rất mừng. Anh Phạm Duy Cường, cán bộ văn hóa của Quảng Ngãi, vào công tác và định cư ở Sài Gòn, rủ tôi:

- Tiện thể ta đến thăm lão Tư Bụt, nghe lão làm ăn dữ lắm.

- Ừ mình cũng nghe vậy, đi? - Tôi nhận lời.

Ba chúng tôi thân nhau từ hồi còn “ăn cơm tập thể, ở nhà công”, hay chọc vui, gọi Tư Bụt, chứ có bụt bọ gì đâu, anh là Tư Trợ - Nguyễn Tư Trợ, hội viên Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. Anh có bức ảnh khá đẹp, được chọn vào tổng tập “ảnh đẹp thế kỷ 20”, do Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam ấn hành. Nguyễn Tư Trợ vui vẻ cùng hai chúng tôi lên thăm trang trại của anh.

Sài Gòn - Xuân Lộc, bằng ô tô, hơn hai giờ đồng hồ, khoảng một trăm hai mươi cây số, đến chợ Xuân Hưng, chuyển qua xe thồ, thêm tám cây số nữa, đến trang trại. Có lẽ đây là một trong những nơi còn sót chút hoang sơ của “... thuở mang gươm đi mở cõi” nên gọi Đầm Voi?

Đầm Voi, rộng hơn một hecta, quanh năm nước đọng, do một nhánh nhỏ sông Đồng Nai băng qua. Đầm nằm giữa thảm rừng nguyên sinh mênh mông, có nhiều giống cây lạ - cây to, cao, thẳng đuột, người ôm không xuể, búa nện vào tóe lửa, bật ra! Hỏi, người già nhất vùng cũng lơ mơ: “Chặt đầu lột da đồ cha biết cây gì!”. Ấy, nhưng rồi không hiểu sao đã từ rất lâu, nhánh sông nhỏ kia không đổ về và dần cạn kiệt, voi không đến nữa. Thay vào là các loài cây, cứ thế chèn lên lớp lớp trùng trùng và người ta gọi: Rừng Lá.

Rừng Lá? Tôi chỉ nghe, giờ nhắc lại, vẫn ghê ghê! Chắc những ai từng qua đây, nghĩ lại, không khỏi hú hồn và cười ra nước mắt? Chẳng là sau Giải phóng một thời gian, bọn cướp, lấy khu rừng này làm lãnh địa của chúng. Xe khách, từ chạng vạng đến sáng hôm sau, không dám qua đoạn này. Nhớ có lần, anh Hà Thái Hưng, cao to như tướng núi, trên chuyến xe vào Sài Gòn, đến đó bị chặn lại, ba tên dí súng AR15, bắt anh cởi đồng hồ, áo pilot và móc sạch túi! Anh Hà Thái Hưng phải xin ăn, về lại Quảng Ngãi, đang mùa gió bắc, lạnh thấu xương!

Giống cây ở rừng này không cao, nhưng dai và chắc, lá xùm xòa như cái ô xòe hết cỡ, họ hàng với nhà cọ. Cách vài chục năm, người ta dùng để lợp chuồng trâu, chuồng bò hoặc làm phen che nhà cầu, nhà bếp. Giờ thì gần như nó đã bị “xóa sổ”, chỉ đôi cây lơ thơ trên những mô đất lở loi, như chứng tích một thời xa vắng và thay vào đó là rừng, rừng nhiều chủng loại, kín trời, kín đất, phần lớn, rừng cho công nghiệp, có chủ hẳn hoi. Hàng chục trang trại nối nhau tít tắp. Nguyễn Tư Trợ, chủ một mảng, năm mươi năm, với một trăm hecta.

Có thể các nhà khoa học đã nghiên cứu, họ nhà trầm ăn chịu đất này nên đã cho “định cư” trên vùng màu mỡ, hàng chục nghìn hecta? Trầm tai tượng, trầm lai, trầm bông vàng... nguồn cung cấp quan trọng cho ngành công nghiệp giấy. Riêng trầm bông vàng, vừa cho gỗ, vừa cho giấy. Nguyễn Tư Trợ, trồng độc mỗi trầm bông vàng. Giống này, chậm phát triển hơn các loại kia, nhưng ưu việt, đến mười tuổi (đúng tuổi khai thác) thì gỗ nó, như đá, mối, mọt lắc đầu, tránh xa, giá lại rẻ hơn so các loại gỗ thượng đẳng. Người ta so sánh nó ngang ngửa gỗ Cẩm Lai, dùng đóng tủ, bàn, ghế... sang và đẹp hết sảy! Nếu để làm giấy, thì khai thác từ tuổi sáu bảy, nhưng tuổi lấy gỗ, phần ngọn và nhánh vẫn dùng cho giấy.

Một Ster gỗ trầm bông vàng, loại mười tuổi, tính đôi dôi, giá tại chỗ, ba trăm nghìn đồng. Hiện có trên một trăm nghìn cây ở tuổi tám, chín... Nguyễn Tư Trợ nói chắc: Khai thác đợt đầu, đủ trả nợ có thể dư chút ít, các đợt sau coi như lãi ròng, thời gian lại ngắn, ít chăm bón. Đây là nguồn chính, còn nguồn anh gọi là “lấy ngắn nuôi dài”, chúng tôi đã thử nhằm, ít mỗi năm, thừa trăm triệu, từ các loại cây ăn quả, cây hoa màu: hai nghìn cây xoài, năm hecta mía, hai mươi lăm hecta tre Mạnh tông (giống tre cho măng xuất khẩu), tám hồ cá, tổng diện tích (mặt nước) hai nghìn mét vuông. Các hồ này, chính là để tưới rừng, kết hợp nuôi cá và trồng sen; hạt sen, ngó sen, loại thức ăn quý, bỏ tì, trong thuốc bắc gọi là liên nhục.

Buổi sáng mát trong, mặt trời chớm mọc, cá dưới các hồ ngoi lên vờn nắng, đuổi nhau thành những vệt dài cuộn cuộn. Ven các hồ là đu đủ, bí, khổ qua... dất dứ, nhưng công chăm sóc không quá nặng như một số nơi khác, nhờ lượng phù sa sông Đồng Nai hàng năm mang đến.

Xin trở lại đặc tính giống trầm bông vàng. Phải nói, không giống cây nào lại “yêu sách” và “độc quyền sát chủ” như nó! Một tháng sau khi trồng, phải bón phân, làm cỏ - năm/3 lần, năm thứ 2, bớt một. Mùa nắng nóng phải tưới thường xuyên, đúng kỳ, đúng hạn, không thì cỏ phủ lên ngay, loại cỏ cực mạnh, chỉ một tháng, lút đầu người, cổ nhiên cây mới trồng không đủ sức chịu, hoặc chậm lớn, hoặc phải chết! Nhưng để trừ loài quái quỷ này, không ai hơi đâu ngày ngày phải cắt dọn. Người ta cho máy, cày úp đất vào gốc, vừa dìm cỏ xuống để trầm phát triển, vừa phòng chống cháy. Mùa hè năm 2002, vụ cháy dữ dội rừng Tánh Linh lan sang, một đôi mảng ở Xuân Lộc bị vạ lây, riêng vùng Nguyễn Tư Trợ, thần lửa biết không đủ sức, cáo lui.

Khi trầm ba tuổi, cỏ tự hóa phân. Các loại cây khác, cả họ hàng nhà trầm muốn xen vào, đều vô ích - tất cả đều bị diệt! Bời, bộ rễ của nó dữ lắm, ăn xuống rất sâu và tỏa ra rất xa. Trầm bảy tuổi trở lên, rễ dài

cả chục thước, lần luôn nơi ở của đồng loại cùng lúa, dù hàng trồng cách hàng đã ba thước, cây cách cây một thước rưỡi! Ngay hạt của nó rụng đầy gốc, cũng không để lên mầm! Cho nên muốn lấy giống, không cách nào khác là phải thu hái cẩn thận và gieo ở nơi khác, đến mùa mưa mới trồng được.

ở miền Nam ít gió bão, nhưng dù hung dữ như miền Trung, cũng không dễ làm bật gốc bộ rễ bám sinh kỳ lạ của họ nhà trầm.

Nguyễn Tư Trợ, vốn ít nói, giờ càng ít hơn, nhưng những gì anh đã quyết, khó mà cản được, ngay bà xã, người anh quý và nể nhất, đôi khi cũng phải kêu lên “ngán ổng lắm!”. Chẳng hạn, như việc lập trang trại, đôi người sợ khó trôi, góp ý thấy không ăn thua, lắc đầu: “Trợ điên, muốn rước họa vào thân, cho nó chết!”. Còn Trợ nhà ta, như phỗng, tỉnh bơ, không hề thanh minh thanh nga, cứ thế, xáp vào việc. Nhưng đây là bề ngoài, chứ tính thế nào được? Anh nói: Đôi lúc cũng rối ruột chứ, nhất là vợ con và mấy ông bạn thành đạt trong kinh doanh sản xuất, nhưng nghĩ tới sắp nhỏ, tôi dứt khoát, thế thôi!

ở thời điểm đó, cách hơn mười năm, vốn vay ngân hàng, lãi suất không như bây giờ, lại để làm cái việc không chút dính líu tới nghề nghiệp, quả, gan của nhà nghệ sĩ này không vừa! Nhưng may, cái gan đó, ý chí đó đồng hành được với sự thông minh, đã bớt cho anh nhiều rủi ro, thêm nhiều điều may mắn.

Tuy không ở mặt tiền, đường phố chính mà tạo được căn nhà, loại vừa vừa, dưới bậc trung, từ tay trắng, lại trụ được ở Sài Gòn, đã quý rồi, giỏi rồi. Giờ, Nguyễn Tư Trợ có thêm cơ sở nữa, nơi để trông coi trang trại và cho những người giúp việc ăn ở: Ba gian, thoáng, rộng, đủ tiện nghi, có cả máy phát điện - đặc biệt, nguồn lương thực, thực phẩm khá dồi dào. Thích cá, câu một chập, ăn một nghỉ. Ưng thịt gà, vịt, ngan, ngỗng... anh chỉ “túc” một tiếng, chúng tràn vào như giặc. Cây ăn trái các loại lúc la, lúc lỉu. Rau xanh, bầu bí, mướp... ê hề, tất cả tươi nguyên, khí hậu lại rất trong lành, không hề nghe tiếng động nhỏ, trừ tiếng chim rừng buổi sáng. Có thể nhờ đó, trông người nào cũng khỏe mạnh, hoạt bát. ở đây, giá có cơ sở để những ai yêu thích thiên nhiên, cây rừng, nước suối, chắc không ít người tìm đến và chỉ cần thời gian ngắn, sức khỏe họ sẽ khác ngay.

Một cơ ngơi không nhỏ và khối lượng công việc khá lớn, khá bề bộn, nhưng chỉ một người quán xuyến - đó là Phùng Thị Hoàng Khuê, bạn đời nhà nghệ sĩ, chính gốc Hà Nội, phố Phùng Hưng. Họ rất quý nhau, nhưng hai người vẫn phải “ở hai đầu nỗi nhớ”: Nguyễn Tư Trợ, quản “tuyến sau” (Sài Gòn), Phùng Thị Hoàng Khuê, trông coi “tuyến trước” (Xuân Lộc). Một tuần hoặc mười ngày, họ gặp nhau vài hôm.

Thấy nhớ nhớ, Nguyễn Tư Trợ lại mò ra “tuyển trước” và cứ thế...

Sau giải phóng, Phùng Thị Hoàng Khuê cùng chồng vào công tác và định cư ở Sài Gòn, phơi phơi tuổi ba mươi, loáng cái, thêm ba mươi năm nữa, chị đã thành bà. Thằng cháu ngoại trắng trẻo, bụ bẫm, bi bô bi ba suốt ngày với ông bà. Thương cháu và chắc cũng nhiễm chút “máu nghệ sĩ”, chị đã chụp đến vài trăm bức ảnh, đủ kiểu, chỉ riêng cho thằng bé, một số được phóng lớn, đã vào khung. Chị tính sẽ tổ chức triển lãm với chủ đề “cháu ngoan của ông bà”.

Phải nói lâu lắm, tôi mới gặp một người như chị, rất yêu nghệ thuật và say mê đọc sách văn học, cả những tác phẩm dày cộm của Boris Pasternak, Dostoievski, Victor Hugo, Lep Tonxtoi, Lỗ Tấn... từ xưa từ xưa, giờ vẫn như in. Những tác phẩm hay của Việt Nam, hầu như chị không để sót. Chị nói: “Quen rồi, không đọc, không chịu được! Tôi mê sách từ hồi Bác Hồ mới về Thủ đô, đang học phổ thông kia”.

Khoản tiền chị dành mua sách, nhất là giá sách bây giờ, quả không dễ đối với chúng tôi. Nhưng chắc chi có tiền, đã có người chịu mua sách, càng hiếm hơn, chịu đọc sách?

Dù quen nếp sống thành phố, nhưng Hoàng Khuê khá thạo công việc nhà nông, lại siêng năng, cần mẫn nên dân trong vùng rất quý chị. Sóc Babuôn, cách trang trại ba cây số, nhưng bà con dân tộc Strieng, gần như ngày nào đi nương, đi rẫy, cũng ghé thăm chị, không thì “cái bụng không chịu được, nhớ chị Khuê lắm!”. Chị Khuê cũng vậy, vài tuần thế nào cũng vào, Sóc thăm bà con, không thì lại nhớ.

Nhờ quan hệ ấy, ngót chục năm nay, mỗi mình chị quán xuyến cả trăm hecta rừng, hàng chục hecta cây trái, hoa màu, máy móc, xe cộ..., không phải bận tâm nhiều, chưa bị hư hao, mất mát, dù con gà, trái bí. Chuyện một lúc, tôi cảm Phùng Thị Hoàng Khuê, luôn canh cánh nỗi niềm “Thương nhớ đất Thăng Long”. Tình cảm ấy được bộc lộ tinh tế: Vùng Xuân Lộc, các loại phong lan, hoa rừng không hiếm, nhưng chị vẫn mang những cây hoa Hà Nội vào trồng, như để đa dạng và hài hòa hương sắc. Nhánh cây sanh con, chị chiết từ mái đình nhà thờ tổ họ Phùng vào trồng trên một mô đá lớn, giữa ao sen. Cây sanh nay đã cao to, tỏa kín một vùng rộng, rễ tua ra, trùm cả mô đá. Đêm trăng hay những trưa hè, chị thường ra đó ngắm trăng, hóng gió, hoặc nói chuyện với con gái qua điện thoại.

Trong cuộc vui nho nhỏ với gia đình, Phùng Thị Hoàng Khuê nói như tâm sự:

- Mình sống đủ sướng, thừa khổ rồi. Giờ không phải bận tâm nhiều như trước đâu các anh ạ, ta cứ thoải mái, mấy khi được gặp nhau.

Chúng tôi tin điều chị nói. Đời sống gia đình anh chị đã khá hẳn, không

còn cảnh “giật gấu vá vai”, dành từng đồng, lo từng bữa. Thử tưởng, không có sự bứt phá, với khoản lương hưu khiêm nhường ấy, ở nơi “hòn ngọc viễn đông” hoa lệ ấy liệu anh chị có nuôi nổi chính mình? Nguyễn Tư Trợ còn nhớ, lúc chuẩn bị thuê đất trồng rừng, đôi người trong cơ quan ái ngại về việc làm giàu của anh, để xa rời lý tưởng! Lý tưởng như ai đó đã nghĩ, là cái gì, nó ra sao, chỉ trời biết! Còn chúng tôi, bạn thuở hàn vi, thực lòng mừng cho anh chị - những người trên năm mươi năm gắn bó với đồng lương - đã “thừa khổ” để nay được “sống đủ sướng”, con cái học hành tử tế, đưa làm việc cho một công ty lớn của nước ngoài, đưa đang học cao học ở Australia... (Báo Văn nghệ)